

Phụ lục 1
DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH THUỘC PHẠM VI GIẢI QUYẾT CỦA SỞ XÂY DỰNG

ST T	Mã số TTHC	Mức độ DVC	Tên thủ tục hành chính	Thuộc lĩnh vực	Quyết định công bố TTHC của Chủ tịch UBND tỉnh
I	PHÒNG QUẢN LÝ XÂY DỰNG - VLXD: 23 TTHC				
1	1.009980.000.00.00.H08	Mức độ 4	Cấp giấy phép hoạt động xây dựng cho nhà thầu nước ngoài thuộc dự án nhóm B, nhóm C	Hoạt động xây dựng	
2	1.009981.000.00.00.H08	Mức độ 4	Điều chỉnh giấy phép hoạt động xây dựng cho nhà thầu nước ngoài thuộc dự án nhóm B, nhóm C	Hoạt động xây dựng	
3	1.009982.000.00.00.H08	Mức độ 4	Cấp chứng chỉ hành nghề hoạt động xây dựng lần đầu hạng II, III	Hoạt động xây dựng	
4	1.009983.000.00.00.H08	Mức độ 4	Cấp điều chỉnh hạng chứng chỉ hành nghề hoạt động xây dựng hạng II, III	Hoạt động xây dựng	
5	1.009928.000.00.00.H08	Mức độ 2	Cấp gia hạn chứng chỉ hành nghề hoạt động xây dựng hạng II, III	Hoạt động xây dựng	
6	1.009984.000.00.00.H08	Mức độ 4	Cấp lại chứng chỉ hành nghề hoạt động xây dựng (trường hợp chứng chỉ mất, hư hỏng)	Hoạt động xây dựng	
7	1.009985.000.00.00.H08	Mức độ 4	Cấp lại chứng chỉ hành nghề hoạt động xây dựng hạng II, III (do lỗi của cơ quan cấp)	Hoạt động xây dựng	
8	1.009986.000.00.00.H08	Mức độ 4	Cấp điều chỉnh, bổ sung nội dung chứng chỉ hành nghề hoạt động xây dựng hạng II, hạng III	Hoạt động xây dựng	
9	1.009987.000.00.00.H08	Mức độ 4	Cấp chuyển đổi chứng chỉ hành nghề hoạt động xây dựng của cá nhân người nước ngoài hạng II, III	Hoạt động xây dựng	
10	1.009988.000.00.00.H08	Mức độ 4	Cấp chứng chỉ năng lực hoạt động xây dựng lần đầu hạng II, hạng III	Hoạt động xây dựng	
11	1.009989.000.00.00.H08	Mức độ 4	Cấp lại chứng chỉ năng lực hoạt động xây dựng hạng II, hạng III (do mất, hư hỏng):	Hoạt động xây dựng	
12	1.009991.000.00.00.H08	Mức độ 4	Cấp điều chỉnh, bổ sung nội dung chứng chỉ năng lực hoạt động xây dựng hạng II, hạng III	Hoạt động xây dựng	
13	1.009990.000.00.00.H08	Mức độ 4	Cấp lại chứng chỉ năng lực hoạt động xây dựng hạng II, hạng III (do lỗi của cơ quan cấp)	Hoạt động xây dựng	
14	1.009936.000.00.00.H08	Mức độ 4	Cấp gia hạn chứng chỉ năng lực hoạt động xây dựng hạng II, III	Hoạt động xây dựng	

ST T	Mã số TTHC	Mức độ DVC	Tên thủ tục hành chính	Thuộc lĩnh vực	Quyết định công bố TTHC của Chủ tịch UBND tỉnh
15	1.009972.000.00.00.H08	Mức độ 2	Thẩm định Báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng/điều chỉnh Báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng:	Hoạt động xây dựng	
16	1.009973.000.00.00.H08	Mức độ 2	Thẩm định thiết kế xây dựng triển khai sau thiết kế cơ sở/điều chỉnh Thiết kế xây dựng triển khai sau thiết kế cơ sở (cấp tỉnh)	Hoạt động xây dựng	
17	1.009794.000.00.00.H08	Mức độ 3	Kiểm tra công tác nghiệm thu hoàn thành công trình (đối với các công trình trên địa bàn thuộc trách nhiệm quản lý của Sở Xây dựng, Sở quản lý công trình xây dựng chuyên ngành, trừ các công trình thuộc thẩm quyền kiểm tra của Hội đồng kiểm tra nhà nước về công tác nghiệm thu công trình xây dựng và cơ quan chuyên môn về xây dựng thuộc Bộ Xây dựng, Bộ quản lý công trình xây dựng chuyên ngành) (Thay thế thủ tục tại Quyết định số 833/QĐ-BXD ngày 29/8/2016 của Bộ Xây dựng)	Quản lý chất lượng công trình xây dựng	
18	1.009788.000.00.00.H08	Mức độ 2	Cho ý kiến về kết quả đánh giá an toàn công trình đối với công trình xây dựng nằm trên địa bàn tỉnh.	Quản lý chất lượng công trình xây dựng	
19	1.009791.000.00.00.H08	Mức độ 2	Cho ý kiến về việc kéo dài thời hạn sử dụng của công trình hết thời hạn sử dụng theo thiết kế nhưng có nhu cầu sử dụng tiếp (trừ trường hợp nhà ở riêng lẻ)	Quản lý chất lượng công trình xây dựng	
20	1.006871.000.00.00.H08	Mức độ 4	Công bố hợp quy sản phẩm, hàng hóa vật liệu xây dựng	Vật liệu xây dựng	
21	2.001116.000.00.00.H08	Mức độ 4	Bổ nhiệm giám định viên tư pháp xây dựng đối với cá nhân khác không thuộc thẩm quyền của Bộ Xây dựng	Giám định tư pháp xây dựng	
22	1.002515.000.00.00.H08	Mức độ 4	Đăng ký công bố thông tin người giám định tư pháp xây dựng theo vụ việc, tổ chức giám định tư pháp xây dựng theo vụ việc đối với các cá nhân, tổ chức không thuộc thẩm quyền giải quyết của Bộ Xây dựng, văn phòng giám định tư pháp xây dựng trên địa bàn được Ủy ban nhân dân tỉnh cho phép hoạt động	Giám định tư pháp xây dựng	
23	1.002621.000.00.00.H08	Mức độ 4	Điều chỉnh, thay đổi thông tin cá nhân, tổ chức thực hiện giám định tư pháp xây dựng do UBND cấp tỉnh đã tiếp nhận đăng ký, công bố thông tin	Giám định tư pháp xây dựng	

ST T	Mã số TTHC	Mức độ DVC	Tên thủ tục hành chính	Thuộc lĩnh vực	Quyết định công bố TTHC của Chủ tịch UBND tỉnh
II	PHÒNG QUY HOẠCH - KIẾN TRÚC: 17 TTHC				
24	1.008891.000.00.00.H08	Mức độ 4	Thủ tục cấp chứng chỉ hành nghề kiến trúc	Quy hoạch kiến trúc	
25	1.008989.000.00.00.H08	Mức độ 4	Thủ tục cấp lại chứng chỉ hành nghề kiến trúc (do chứng chỉ hành nghề bị mất, hư hỏng hoặc thay đổi thông tin cá nhân được ghi trong chứng chỉ hành nghề kiến trúc).	Quy hoạch kiến trúc	
26	1.008990.000.00.00.H08	Mức độ 4	Thủ tục cấp lại chứng chỉ hành nghề kiến trúc bị ghi sai do lỗi của cơ quan cấp chứng chỉ hành nghề	Quy hoạch kiến trúc	
27	1.008991.000.00.00.H08	Mức độ 4	Thủ tục gia hạn chứng chỉ hành nghề kiến trúc	Quy hoạch kiến trúc	
28	1.008992.000.00.00.H08	Mức độ 2	Thủ tục công nhận chứng chỉ hành nghề kiến trúc của người nước ngoài ở Việt Nam	Quy hoạch kiến trúc	
29	1.008993.000.00.00.H08	Mức độ 2	Thủ tục chuyển đổi chứng chỉ hành nghề kiến trúc của người nước ngoài ở Việt Nam	Quy hoạch kiến trúc	
30	T-BDI-203163-TT	Mức độ 2	Thẩm định nhiệm vụ và dự toán chi phí quy hoạch chung, quy hoạch phân khu và quy hoạch chi tiết đô thị thuộc thẩm quyền phê duyệt của UBND tỉnh.	Quy hoạch xây dựng	
31	T-BDI-203164-TT	Mức độ 2	Thẩm định đồ án quy hoạch chung, quy hoạch phân khu, quy hoạch chi tiết đô thị thuộc thẩm quyền phê duyệt của UBND tỉnh.	Quy hoạch xây dựng	
32	1.002701.000.00.00.H08	Mức độ 3	Thẩm định nhiệm vụ, nhiệm vụ điều chỉnh quy hoạch chi tiết của dự án đầu tư xây dựng công trình theo hình thức kinh doanh thuộc thẩm quyền phê duyệt của UBND cấp tỉnh	Quy hoạch kiến trúc	
33	1.003011.000.00.00.H08	Mức độ 3	Thẩm định đồ án, đồ án điều chỉnh quy hoạch chi tiết của dự án đầu tư xây dựng công trình theo hình thức kinh doanh thuộc thẩm quyền phê duyệt của UBND cấp tỉnh	Quy hoạch kiến trúc	
34	1.008432.000.00.00.H08	Mức độ 4	Cung cấp thông tin về quy hoạch xây dựng thuộc thẩm quyền của UBND cấp tỉnh	Quy hoạch xây dựng	
35	1.009974.000.00.00.H08	Mức độ 4	Cấp giấy phép xây dựng công trình cấp đặc biệt, cấp I, cấp II (Công trình không theo tuyến/Theo tuyến trong đô thị/Tín ngưỡng, tôn giáo/Tượng đài, tranh hoành	Hoạt động xây dựng	

ST T	Mã số TTHC	Mức độ DVC	Tên thủ tục hành chính	Thuộc lĩnh vực	Quyết định công bố TTHC của Chủ tịch UBND tỉnh
			tráng/Theo giai đoạn cho công trình không theo tuyển/Theo giai đoạn cho công trình theo tuyển trong đô thị/Dự án):		
36	1.009977.000.00.00.H08	Mức độ 4	Cấp điều chỉnh giấy phép xây dựng đối với công trình cấp đặc biệt, cấp I, cấp II (công trình Không theo tuyển/Theo tuyển trong đô thị/Tín ngưỡng, tôn giáo/Tượng đài, tranh hoành tráng/Theo giai đoạn cho công trình không theo tuyển/Theo giai đoạn cho công trình theo tuyển trong đô thị/Dự án):	Hoạt động xây dựng	
37	1.009975.000.00.00.H08	Mức độ 4	Cấp giấy phép xây dựng sửa chữa, cải tạo đối với công trình cấp đặc biệt, cấp I, cấp II (công trình Không theo tuyển/Theo tuyển trong đô thị/Tín ngưỡng, tôn giáo/Tượng đài, tranh hoành tráng/Theo giai đoạn cho công trình không theo tuyển/Theo giai đoạn cho công trình theo tuyển trong đô thị/Dự án)	Hoạt động xây dựng	
38	1.009976.000.00.00.H08	Mức độ 4	Cấp giấy phép di dời đối với công trình cấp đặc biệt, cấp I và cấp II (Công trình không theo tuyển/Theo tuyển trong đô thị/Tín ngưỡng, tôn giáo/Tượng đài, tranh hoành tráng/Theo giai đoạn cho công trình không theo tuyển/Theo giai đoạn cho công trình theo tuyển trong đô thị/Dự án):	Hoạt động xây dựng	
39	1.009978.000.00.00.H08	Mức độ 4	Gia hạn giấy phép xây dựng đối với công trình cấp đặc biệt, cấp I, cấp II (công trình Không theo tuyển/Theo tuyển trong đô thị/Tín ngưỡng, tôn giáo/Tượng đài, tranh hoành tráng/Sửa chữa, cải tạo/Theo giai đoạn cho công trình không theo tuyển/Theo giai đoạn cho công trình theo tuyển trong đô thị/Dự án)	Hoạt động xây dựng	
40	1.009979.000.00.00.H08	Mức độ 4	Cấp lại giấy phép xây dựng đối với công trình cấp đặc biệt, cấp I, cấp II (công trình Không theo tuyển/Theo tuyển trong đô thị/Tín ngưỡng, tôn giáo/Tượng đài, tranh hoành tráng/Sửa chữa, cải tạo/Theo giai đoạn cho công trình không theo tuyển/Theo giai đoạn cho công trình theo tuyển	Hoạt động xây dựng	

ST T	Mã số TTHC	Mức độ DVC	Tên thủ tục hành chính	Thuộc lĩnh vực	Quyết định công bố TTHC của Chủ tịch UBND tỉnh
			trong đô thị/Dự án):		
III	PHÒNG QUẢN LÝ NHÀ - PHÁT TRIỂN ĐÔ THỊ: 14 TTHC				
41	1.007750.000.00.00.H08	Mức độ 4	Thủ tục thông báo nhà ở hình thành trong tương lai đủ điều kiện được bán, cho thuê mua	Nhà ở và công sở	
42	1.006873.000.00.00.H08	Mức độ 4	Công nhận hạng/công nhận lại hạng nhà chung cư	Nhà ở và công sở	
43	1.006876.000.00.00.H08	Mức độ 4	Công nhận điều chỉnh hạng nhà chung cư	Nhà ở và công sở	
44	1.007764.000.00.00.H08	Mức độ 4	Cho thuê, thuê mua nhà ở xã hội thuộc sở hữu nhà nước	Nhà ở và công sở	
45	1.010009.000.00.00.H08	Mức độ 4	Công nhận chủ đầu tư dự án xây dựng nhà ở thuộc thẩm quyền của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh (trong trường hợp có nhiều nhà đầu tư dự án xây dựng nhà ở thương mại được chấp thuận chủ trương đầu tư theo pháp luật về đầu tư)	Nhà ở và công sở	
46	1.007762.000.00.00.H08	Mức độ 4	Thẩm định giá bán, thuê mua, thuê nhà ở xã hội được đầu tư xây dựng theo dự án bằng nguồn vốn ngoài ngân sách nhà nước trên phạm vi địa bàn tỉnh.	Nhà ở và công sở	
47	1.007767.000.00.00.H08	Mức độ 4	Bán nhà ở cũ thuộc sở hữu nhà nước	Nhà ở và công sở	
48	1.010005.000.00.00.H08	Mức độ 4	Giải quyết bán phần diện tích nhà đất sử dụng chung đối với trường hợp quy định tại khoản 1 Điều 71 Nghị định số 99/2015/NĐ-CP	Nhà ở và công sở	
49	1.010006.000.00.00.H08	Mức độ 4	Giải quyết chuyển quyền sử dụng đất liền kề với nhà ở cũ thuộc sở hữu nhà nước quy định tại khoản 2 Điều 71 Nghị định số 99/2015/NĐ-CP	Nhà ở và công sở	
50	1.010007.000.00.00.H08	Mức độ 4	Giải quyết chuyển quyền sử dụng đất đối với nhà ở xây dựng trên đất trống trong khuôn viên nhà ở cũ thuộc sở hữu nhà nước quy định tại Khoản 3 Điều 71 Nghị định số 99/2015/NĐ-CP	Nhà ở và công sở	
51	1.007766.000.00.00.H08	Mức độ 4	Cho thuê nhà ở cũ thuộc sở hữu nhà nước	Nhà ở và công sở	
52	SXD_NOCS_1	Mức độ 2	Thuê nhà ở công vụ thuộc thẩm quyền quản lý của UBND cấp tỉnh	Nhà ở và công sở	

ST T	Mã số TTHC	Mức độ DVC	Tên thủ tục hành chính	Thuộc lĩnh vực	Quyết định công bố TTHC của Chủ tịch UBND tỉnh
53	1.002630.000.00.00.H08	Mức độ 4	Chuyển nhượng toàn bộ hoặc một phần dự án bất động sản do UBND cấp tỉnh, cấp huyện quyết định việc đầu tư	Kinh doanh bất động sản	
54	1.002572.000.00.00.H08	Mức độ 4	Cấp mới chứng chỉ hành nghề môi giới bất động sản	Kinh doanh bất động sản	
55	1.002625.000.00.00.H08	Mức độ 4	Cấp lại (cấp đổi) chứng chỉ hành nghề môi giới bất động sản	Kinh doanh bất động sản	
IV	TTHC DO VĂN PHÒNG, THANH TRA VÀ CÁC PHÒNG CHUYÊN MÔN THỰC HIỆN THEO PHẠM VI THẨM QUYỀN: 02 TTHC				
56	2.002191.000.00.00.H08	Mức độ 2	Phục hồi danh dự (cấp tỉnh)	Bồi thường nhà nước	
57	2.002192.000.00.00.H08	Mức độ 2	Giải quyết yêu cầu bồi thường tại cơ quan trực tiếp quản lý người thi hành công vụ gây thiệt hại (cấp tỉnh)	Bồi thường nhà nước	
V	TTHC DO THANH TRA THỰC HIỆN: 08 TTHC				
58	2.002394.000.00.00.H08	Mức độ 2	Giải quyết tố cáo tại cấp tỉnh	Giải quyết tố cáo	
59	2.002407.000.00.00.H08	Mức độ 2	Giải quyết khiếu nại lần đầu tại cấp tỉnh	Giải quyết khiếu nại	
60	2.002411.000.00.00.H08	Mức độ 2	Giải quyết khiếu nại lần hai tại cấp tỉnh	Giải quyết khiếu nại	
61	2.001899.000.00.00.H08	Mức độ 2	Xử lý đơn tại cấp tỉnh	Xử lý đơn thư	
62	2.002175.000.00.00.H08	Mức độ 2	Tiếp công dân tại cấp tỉnh	Tiếp công dân	
63			Lập, phê duyệt chương trình, kế hoạch thanh tra	Thanh tra	
64			Thanh tra theo chương trình, kế hoạch	Thanh tra	
Tổng cộng: 64 TTHC					